

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 253/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP V: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Mai H - Chuyên viên xử lý nợ, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Q (*Văn bản ủy quyền số 1012911/2025/UQ-KHCN3 ngày 27/11/2025*).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị T; cùng địa chỉ: Khu phố T, phường N, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Nghĩa vụ trả nợ tiền vay: Ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ tiền vay cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay số LN2411064220188 ngày 11/11/2024 và khế ước nhận nợ ngày 12/5/2025; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay và LN2411064220188) ngày 05/3/2025 và khế ước nhận nợ ngày 05/3/2025; Hợp

đồng cho vay số CFHH250721960792 ngày 22/7/2025; Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/10/2022, với tổng số tiền tính đến ngày 09/4/2026 là: 17.507.863.244 đồng (*Mười bảy tỷ, năm trăm lẻ bảy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng*), cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 16.405.544.972 đồng (*Mười sáu tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng*);

+ Nợ lãi trong hạn: 97.341.756 đồng (*Chín mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng*).

+ Lãi quá hạn: 1.003.615.315 đồng (*Một tỷ, không trăm lẻ ba triệu, sáu trăm mười lăm nghìn ba trăm mười lăm đồng*).

+ Phí: 1.361.201 đồng (*Một triệu ba trăm sáu mươi một nghìn hai trăm lẻ một đồng*).

2.2 Nghĩa vụ tiếp tục trả lãi: Ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày 10/4/2026 cho đến khi thi hành án xong theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2411064220188 ngày 11/11/2022; khế ước nhận nợ ngày 12/5/2025; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay và LN2411064220188) ngày 05/3/2022; khế ước nhận nợ ngày 05/3/2025; Hợp đồng cho vay số CFHH250721960792 ngày 22/7/2025; Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/10/2022.

2.3 Nghĩa vụ bảo đảm khoản vay: Trường hợp Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị T để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm gồm:

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 29, diện tích: 148m² tại địa chỉ: Khu phố H, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị), thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trường G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 872849 do Sở T1 cấp ngày 08/10/2021 theo Hợp đồng thế chấp số LN2411064220188 ngày 11/11/2024.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 29, diện tích: 168m² tại địa chỉ: Khu đô thị T - Khu B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Nay là phường N, tỉnh Quảng Trị), thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 926313, do Sở T1 cấp ngày 25/3/2021, cập

nhật thay đổi chủ sở hữu lần cuối ngày 09/12/2021, theo Hợp đồng thế chấp số LN2503035054844 ngày 05/3/2025.

2.4 Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.657.600 đồng (*Bảy triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*). Ngân hàng thương mại cổ phần V đã chi trả khoản tiền này nên ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền là: 7.657.600 đồng (*Bảy triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5 Án phí: Ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận chịu 62.754.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu, bảy triệu năm mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 62.408.080 đồng (*Sáu mươi hai triệu, bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm tám mươi đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002304 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vũ Xuân